

Đá Vàng

“Love means never having to say you are sorry.”

Erich Segal

Song Vũ, K17

(Tiếp theo)

Năm

Thời gian càng gần cuối năm tình hình chiến sự càng gia tăng khốc liệt hơn. Khi Hoa Kỳ có ý định rút hết gánh nặng cuộc chiến lên vai chính quyền VN, những trận đánh đẫm máu trên khắp chiến trường bốn vùng chiến thuật diễn ra mọi nơi. Riêng với Hải, đỉnh mốc của mỗi trận đánh đồng thời cũng là đỉnh mốc trong cuộc tình của anh. Sau trận rút quân ở Snoul là lẽ ra mắt, sau trận đánh tử thủ An Lộc là lẽ cưới. Năm 74 sau khi ký hiệp định đình chiến một năm, vợ chồng anh có đứa con đầu lòng. Lan muốn đứa con của hai người mang tên Thiên Ân, nàng bảo:

- “Em muốn cảm tạ ơn sủng của Thượng Đế đã dành cho chúng mình.”

Những ngày cuối tháng Tư Sài Gòn náo loạn, những cánh quân Cộng Sản xiết chặt mọi góc ngách ra vào thành phố. Tiểu đoàn của Hải bị chia cắt và bao vây từ phía trên đoạn đường từ Trảng Lớn về Sài Gòn. Gia đình của Lan chạy ra Vũng Tàu vào giờ chót sau đó theo thuyền đi tản ra biển. Lan ở lại Sài Gòn cùng con chờ chồng không đi.



Chiều ngày 1 tháng 5, Hải mới mò về tới nhà. Nhìn thấy vợ ngồi ôm con đôi mắt đờ đẫn như mắt hòn, anh đứng chết trân. *Ngoài đường phố là trận cuồng phong đang thổi tung lên tất cả mọi thứ, đảo lộn mọi thứ.* Trong căn nhà bé nhỏ của gia đình anh như thể là trung tâm cơn bão, nó phẳng lặng bình yên. Anh không hề nghĩ tới sự sống chết của mình.



Một đơn vị bộ binh đang chuyển quân

Cuộc chiến đã qua đi, cái khổ nạn của cả dân tộc đã tạm lắng lại rồi những giông tố khác chắc chắn sẽ ập tới. Kẻ thù của anh đối mặt là những âm binh từ địa phủ chui lên, anh biết chắc điều ấy qua kinh nghiệm trong suốt hơn 7 năm chiến đấu trên chiến trường.

Sáu

Ba mẹ Lan trong lúc dầu sôi lửa bỏng những ngày cuối tháng Tư quyết định đưa cả nhà ra Vũng Tàu để mua ghe ra biển trốn chạy Cộng Sản. Riêng với ông bà Phú, ba má của Lan, cả hai đã có quá nhiều kinh nghiệm sống với Cộng Sản. Trước năm 1955, ông là một chủ cửa hàng may mặc lớn có tiếng ở Hà Nội. Cụ thân sinh ra ông là một điền chủ ở huyện Hà Nam. Khi hiệp định Genève được ký kết chưa bao lâu thì cụ ông bị đem ra đấu tố, bị tịch thu toàn bộ tài sản bao đời của

tổ tiên để lại rồi chính cụ bị Cộng Sản nhốt và bỏ đói trong một nhà kho của một hợp tác xã cho tới chết. Nghe tin sét đánh, ông bà bỏ hết cả nhà cửa quyết định đem con trốn xuống Hải Phòng rồi theo đoàn tàu di cư vào Nam, vào cuối năm 1955.

Vào tới Sài Gòn, ông bà lại trở về với nghề cũ của mình. Ông mở một tiệm may ngay tại Ngã Ba Ông Tạ. Công việc làm ăn phát đạt, ông bà có thêm hai cô con gái nữa là Ngọc Lan và Bích Huệ. Tổng cộng là 5 người, ba trai hai gái. Ba người anh trai của Lan có một người là bác sĩ Quân Y, còn hai người khác một là giáo sư một là công chức Bộ Tài Chánh.

Sáng ngày 24, ông cho gọi các con cháu lại và ngỏ ý toàn bộ gia đình sống chết cũng phải ra đi. Mọi người đều đồng ý, riêng có một mình Lan vừa khóc vừa nói nằng và con sẽ ở lại để chờ chồng. Lúc đầu thì ông không chịu nhưng sau đó ông bảo:

- “Thôi tùy con, bây giờ con khôn lớn rồi, học hành đàng hoàng, suy nghĩ chín chắn nên ba tôn trọng quyết định của con.”

Khi mọi người đi rồi Lan đóng kín cửa kéo con lên gác ngồi nhìn ra đường phố. Cả thành phố xao xác, chộn rộn người đi kẻ lại về mặt hóc hác thất thần. Chính bản thân mình, Lan cũng thấy hoang mang, nằng tự nhủ thầm,

“Hải sẽ trở về, Hải ơi em đợi anh trở về. Nhất định anh sẽ về cùng mẹ con em. Nếu anh có mệnh hệ gì, em chắc cũng không sống nổi. Hãy trở về nghe Hải.”

Nàng thì thầm nói với mình như một kẻ mộng du. Thiên Ân, con trai của Lan ngồi ngủ trong lòng mẹ, tay ôm cứng lấy bụng mẹ. Nó không hiểu gì hết nhưng chắc chắn nó biết một điều, mẹ nó đang rất buồn nên nó cũng không dám quấy quạ khóc lóc.

Sáng 26, Lan chờ con qua nhà bà nội hỏi thăm tin tức. Bước chân vào nhà, Lan thấy bà đang ngồi trước bàn thờ trên gác lửng lẩn tránh. Lan hỏi khế chị Hai:

- Chị có tin tức gì về Hải, không hả chị?

Chị Hai bảo:

- Chị đang tính chạy sang nhà em hỏi tin cậu Hải thì mẹ lại sang rồi. Chị chẳng có tin tức gì cả. Mẹ mấy bữa nay suốt ngày ngồi lẩn tránh cầu kinh chẳng thiết ăn uống khiến chị cũng rối bời.

Lan hỏi:

- Thế anh chị có tính chạy đi đâu không?

Chị Hai nói:

- Giờ biết chạy đi đâu. Anh ấy lảng xãng từ hai ba bữa nay chạy đôn đáo rồi đến tối mịt mới về.

Hai chị em đang nói chuyện dang dở câu chuyện thì má Hải vọng xuống:

- Vợ thằng Hải tới rồi hả?

- Dạ, thưa mẹ con và cháu mới tới.

Bà xuống thang rồi tới ngồi cạnh nàng, ôm thằng Ân vào lòng rồi nói:

- Để bà thăm đích tôn của bà nào.

Thằng Ân vốn dĩ được bà nội cưng từ bé nên dụi đầu vào ngực bà nũng nịu:

- Con muốn ăn bánh.

- Ừ để nội lấy bánh cho con ăn.

Thằng Ân chạy vào phòng bung ra một hộp bánh rồi cả hai đưa ngồi ăn ngon lành. Không khí trong nhà yên ắng, cả ba người lớn không ai biết nói gì trong lúc này. Sau cùng bà lên tiếng:

- Mẹ cầu đức Quan Thế Âm phù hộ cho nó rồi. Mẹ tin là nó sẽ trở về bình an cho nên con cứ yên tâm.

Lan gục đầu:

- Con cũng tin chồng con sẽ về, mẹ ạ.

Chị Hai nấu nướng sơ sài rồi dọn cơm ra cho cả nhà. Mọi người ngồi vào bàn ăn mà hầu như chẳng ai có cảm giác mình đang ăn. Gần chiều tối Lan mới đưa con ra về, nằng bướng:

- Thừa mẹ con đưa cháu về, kéo Hải về nhà không thấy ai lại hoảng.

Mẹ của Hải lúc đó mới hỏi:

- Ủa, thế ông bà và cô Huệ đâu?

Lan cho biết cả nhà đã kéo đi Vũng Tàu từ hôm trước, chỉ có hai mẹ con Lan ở lại chờ Hải thôi. Bà nói

- Thôi thế cũng được, nếu có sự thì cả hai mẹ con sang bên này ở chung với bà.

Lan nói:

- Không sao đâu mẹ, hàng xóm nhà con cũng còn đầy đủ, chắc cũng không đến nỗi nào.

Bấy

Tháng 6 năm 1976, Hải đang bị giam tại trại Suối Máu thì có lệnh di chuyển ra Bắc. Sau khi Hải đi cả tuần, Lan mới biết tin chồng mình đã lên tàu ở New Port. Lan nhớ lại hôm chồng đi trình diện “cải tạo”, Hải có nói với Lan rằng:

- Theo thông báo, tụi anh sẽ đi “học tập” khoảng ba tháng. Anh nghĩ rằng tình hình này với số lượng sĩ quan bị triệu tập khá đông, chúng chắc không thể tiêu diệt được mà nhốt để nuôi cũng tốn kém cho nên anh nghĩ có thể vài tháng tới một năm thì anh sẽ về. Em và con ráng đợi anh về rồi vợ chồng mình tính gì sẽ tính.

Lan gật đầu đồng tình,

- Anh cứ yên tâm mà. Mẹ con em, em lo được. Em sẽ chờ anh trở về. Và anh phải hứa với em anh sẽ trở về, đừng bỏ mẹ con em nghe.



- Anh hứa. Hải gật đầu.

Đêm nằm trần trọc giữa các băng ghế học trò tại trường Don Bosco, Hải ngẫm nghĩ lại, tự cười thầm:

- Mình hứa sẽ trở về là sao? Việt Cộng nó nhốt mình, mình đi tù chứ đâu có phải đi chơi mà hứa sẽ trở về? Tính mạng của mình nằm trong tay chúng mà...

Tám

Từ sau ngày chia tay trước cổng trường Don Bosco. Lan dắt con về nhà trong tâm trạng hoang mang tột đỉnh. Những lời nói và mong ước một ngày về của Hải có vẻ như những lời tự an ủi trước mọi cuộc chia ly.

Kẻ thù là những kẻ dối trá bạo ngược làm sao tin được những lời chúng nói? Nhưng còn có cách nào khác hơn không? Chấp nhận rủi ro của định mệnh và những thử thách đã trải, qua cuộc tình mà cả hai đã tự nguyện dần thân có lẽ là giải pháp duy nhất thôi.

Kể từ ngày hôm đó, Lan bắt đầu viết nhật ký.

Sài Gòn, ngày tháng năm

Hôm qua em qua nhà thăm má. Má trở bệnh cả tháng nay, ho húng hắng suốt ngày. Anh chị Hai, có đưa má đi bệnh viện Hồng Bàng, gặp mấy ông bác sĩ Miền Bắc khám qua loa rồi bảo:

- “Bà cụ già yếu ho hen vậy thôi không sao về nhà cho cụ ăn “có chất“ vào là khỏe ngay!”

Chị Hai bảo không biết ăn có chất là ăn thứ gì nhưng rồi cũng lặng lẽ đưa má về nhà không thềm hỏi han gì nữa. Trên đường ra công, gặp một bà mặc đồ bác sĩ tất tưởi đi vào khi gặp chị Hai, chị Hai hỏi “ăn có chất“ là ăn thứ gì. Bà ấy bảo: “À, ăn thứ gì có chất bổ dưỡng như thịt cá...” Chị Hai bảo mỗi tuần cả phường được phân phối có hai ngày cá khô, hoặc mấy con cá uơn lảy đâu ra chất! Má cười bảo thôi không sao

đâu, má về nghỉ vài hôm là hết bệnh. Bà mặc áo bác sĩ nói nhỏ vào tai chị Hai:

- “Má móc bệnh viện chở về Bắc hết rồi, chỉ còn lại mấy cái máy cũ xì mà cũng chẳng có phim ảnh gì để chụp quang tuyến cả. Thôi chị về cho bà uống thuốc Nam hay Bắc đi.

Chị Hai chào và nói cảm ơn.

Sài Gòn, ngày tháng năm...

Má trở bệnh nặng hơn tuần rồi vì bị viêm phổi không có thuốc chữa trị. Hôm được tin thằng An, con chị Hai, chạy xuống nhắn em và con sang ngay. Mới có hai hôm không qua thăm bà mà thấy má gầy hốc hấn đi tội nghiệp lắm. Má cầm tay em rồi chậm rãi nói:

- “Má chỉ có chiếc nhẫn cưới này là quý báu nhất.”

Nói xong má run rẩy tháo ra khỏi ngón tay, rồi kéo tay em lại bỏ nhẫn vào lòng tay em.

- “Má cho con.” Rồi má chậm rãi nói tiếp. “Thằng Hải chưa biết bao giờ mới về, tuổi con còn trẻ quá. Hồi ba thằng Hải mất, má chưa tới 40, chị Hai 14 và Hải tròn một năm. Má vì yêu thương các con nên không muốn bước đi bước nữa. Và lại thể hệ của má việc tái giá cũng nhiều khó khăn dị nghị, thêm nữa sống với chồng con hơn chục năm tàn tạ phụ chồng nuôi con với đồng lương công chức quèn của ba Hải khiến má cũng vất vả quá đổi thành ra má cũng chẳng còn ham muốn gì. Nhưng với con thì khác, con có học thức, có tương lai. Đợi chờ không biết đến bao giờ có khi mất cả tuổi thanh xuân cho nên má chỉ muốn nói một điều là qua kinh nghiệm của má, con có toàn quyền định đoạt cuộc đời của mình.

Con không cần theo gương má, thời đại của con khác rất xa với đời của má. Má sẽ không trách gì con đâu và má biết là thằng Hải nó cũng sẽ không trách móc gì con cả.

Má ngưng lại nghỉ ít phút có lẽ để đè nén cảm xúc của mình rồi sau đó nói tiếp.

- “Má chỉ có một ước nguyện là nếu con có đi bước nữa, con cố chăm sóc dạy dỗ thành Thiên Ân nên người thế thôi.”

Em nghe má nói mà khóc nghẹn. Em chỉ biết nắm chặt tay của má vào ngực mình và nói với má rằng:

- ”Con cảm ơn má đã nghĩ cho tương lai của con. Nhưng con có thể nói chắc một điều với má rằng đời con chỉ có Hải là người yêu đầu tiên và sau cùng của con thôi. Con sẽ không lấy ai hết nếu Hải không trở về. Má ơi, yêu một người với cả chân tình cũng có nghĩa là cuộc đời mình đã trao trọn cho người mình yêu. Nếu có chuyện gì con hứa với má con sẽ nuôi con của chúng con nên người và cuộc đời con có được người mẹ chồng như má, một người chồng như Hải là đã quá đủ. Con không mong ước gì hơn thế nữa.”

Em ngồi nói chuyện với má cho mãi tận khuya, vì ngày hôm sau lớp em có cuộc thanh tra của Sở Giáo Dục nên em xin phép má ra về.

Chiều hôm sau khi vừa về tới nhà thì em nghe tin má mất. Trong cái không khí ngột ngạt bệnh hoạn và đói kém này, những tình cảm con người hình như không còn nữa. Tất cả mọi người đều đổ dồn mọi suy nghĩ vào cái dạ dày của mình. Bon chen, kèn cựa để có thể có một cái gì đó nhét cho chặt bao tử, ngô khoai sắn lát, cá khô, bánh mì ẩm mốc, bột mì, bo bo,... Tất cả những thứ được gọi là lương thực đều được phường phân phối theo tem phiếu cho cư dân trong khu phố. Sự mất đi hay xuất hiện của một con người không mang lại tín hiệu gì cả, dù vui hay buồn. Em đã sống dửng dưng, lạnh nhạt và có lẽ phải sống như một thứ bản năng như thế mới có thể tồn tại được trong cái xã hội này.

Nhìn con còm cõi, còi cọc; soi gương nhìn mình hốc hác, xanh xao, con mắt vô hồn rồi nghĩ tới anh nơi rừng thiêng nước độc ấy... em có thể sống được sao? Không, em nhất định phải sống và anh cũng phải sống, phải trở về. Chúng ta còn một đoạn đường rất dài phía trước phải bước tiếp. Em sẽ

không đầu hàng số phận dù có phải trải qua bao trắc trở, ngang trái. Em yêu anh nhiều lắm, Hải ơi!

Sài Gòn, ngày tháng năm...

Cuối cùng em cũng đã thực hiện được mong ước của mình là được ra thăm nuôi anh, được nhìn tận mắt hình ảnh của người em yêu sau hơn 5 năm năm xa cách. Cho dù những bức



Những ngày cuối tháng Tư, 1975 tại Sài Gòn

thư, những lời nhắn gửi các gia đình ra thăm người thân về báo lại rằng anh không muốn em phải lặn lội khổ cực cùng con ra nơi rừng thiêng nước độc này. Anh dặn rằng, anh hiểu hoàn cảnh của mẹ con em hiện tại, tiền bạc không có, cuộc sống đầy khó khăn... Nhưng em không yên lòng Hải ơi. Tin tức dồn dập những người quen có người thân đi “cải tạo” bị bệnh tật, tai nạn chết quá nhiều khiến em có ý nghĩ, em và con phải nhìn thấy anh một lần biết đâu...

Trên chuyến xe lửa ra Bắc, em đã tận mắt chứng kiến biết bao nhiêu câu chuyện đau lòng - một hệ quả không thể không có trong chiến tranh.

Nhìn núi đồi xác xơ trụi lá trên những vách núi lở loét vì hó

bom đạn, những người dân ngơ ngác di chuyển bằng đủ mọi phương tiện với khuôn mặt nửa như hốt hoảng sợ sệt, nửa như sẵn sàng chấp nhận những tai họa có thể đổ ập lên đầu mình bất cứ lúc nào. Đất nước, giống nòi ngắc ngoải sống sót sau một cơn đại họa.

Cùng đi với mẹ con em là cả chục chị cùng có thân nhân trong các trại tù Cộng Sản. Điều làm em cảm động nhất là hình ảnh của một bà cụ người Cần Thơ ra thăm con, năm nay đã ngoài bảy chục, người tuy gầy guộc nhưng tinh thần rất vững chắc. Cụ tâm sự với chúng em rằng:

- “Con của cụ là một sĩ quan cấp tá hiện đang bị giam tại Nam Hà. Đây là lần thứ hai cụ ra thăm con.”

Em có hỏi sao cụ không để con dâu đi thay cụ? Cụ cười buồn bảo rằng con dâu cụ đã có gia đình mới rồi, là một cán bộ Cộng Sản nằm vùng giờ đây có chức có quyền. Cũng may là nhà có vườn trái cây nên bà cháu cũng đắp đổi qua ngày. Cụ cũng bảo, thời thế đảo điên nên cụ cũng không trách cứ gì cô con dâu cả. Vả chăng con trai cụ đi đánh giặc mãi miết nên chẳng có của cải gì để lại cho vợ con. Khi con trai cụ đi tù, vợ con đến căn nhà cũng không có mà ở nên kéo về tá túc với cụ. Chịu đựng hơn hai năm cô con dâu sau cùng đành thú thực với cụ là xin phép cụ nuôi dùm hai đứa con để cô ta lấy chồng. Lúc đầu cụ cũng buồn nhưng rồi sau đó cụ cũng cảm thông với con dâu. Cụ bảo với tụi em:

- “Người chịu bất hạnh nhất trong cuộc chiến này là những người lính, luôn sống chung với thân chết rình rập từng giờ từng phút. Vinh quang phú quý chẳng được hưởng gì ngoài những trách nhiệm nặng nề đến khi tan đàn sẻ nghé thì bị tù đầy khổ sai lại càng thêm cơ cực. Rồi gia đình vợ con lính. Trong chiến tranh họ đồng kham, cộng khổ cùng chồng, bây giờ hòa bình, chồng thì tù đầy biệt xứ, vợ con thì bị phân biệt đối xử, hành hạ, chèn ép mọi bề.

Thành ra giờ đây cũng là thời gian của lửa thử vàng. Chỉ

những ai thực lòng đồng sinh, cộng khổ được với chồng con thì mới có thể chống chọi nổi. Cụ rất thương cảm và thán phục những gia đình còn vẹn toàn, những người vợ còn giữ được lòng thủy chung với chồng. Sau ít phút suy nghĩ, cụ nói rằng cụ cũng không trách móc gì người con dâu của cụ. Cụ bảo nếu biết chắc chồng mình 5 năm hoặc ba năm sẽ về, người chờ đợi còn có mốc điểm thời gian để chịu đựng và hy vọng.

Giờ đây trong xã hội mới này, *chồng đi tù mà chẳng biết có thể trở về hay không, cuộc sống chung quanh dồn dập những gian khó o ép, người vợ lính trong hoàn cảnh này chỉ có một con đường chọn lựa hoặc héo mòn, lây lất sống trong những ác mộng kéo về từng đêm, hoặc mở một lối thoát cho bản thân để có thể tìm lại được một chút sinh khí để sống cho xong một kiếp người.*

Tuổi thanh xuân có hạn, vợ chồng lấy nhau mới vài năm mà thời gian thực sự gần gũi nhau lại còn ít hơn nữa vì chồng đi chuyển hành quân liên tục. *Phải hiểu nỗi khổ ải đó ở thân phận người phụ nữ mà cảm thông với họ.* Em ngồi nghe cụ nói mà ngậm ngùi thêm. May cho em là trái tim em đã băng giá kể từ lúc anh ra đi. Em đứng đưng ngay cả với thân xác mình. Ngọn lửa tình yêu của em đã tắt, chắc chỉ khi nào có anh trở về mới hy vọng nhóm lại được - mà biết đâu nó sẽ chẳng tắt luôn?

Nghe câu chuyện cụ nói làm em trằm trọc cả đêm, phần vì tàu chật chội, phần vì lo giữ hành lý sợ bị mất trộm. Em và các chị bạn phải thay phiên nhau canh thức.

Sáng ngày thứ tư tàu cập Ga Hàng Cỏ Hà Nội. Tụi em chia tay nhau, người thì đi Vĩnh Phú, người đi Nam Hà, người đi Hà Tây...

Sài Gòn, ngày tháng năm...

Em đã nghỉ dạy. Nói cho đúng hơn, em đã bị đuổi việc. Thế cũng hay, anh đừng lo. Em hùn hạp với mấy người bạn đi buôn quần áo cũ, thuốc Tây từ các gói quà do thân nhân nước

ngoài gọi về. Con chúng mình em gọi cho một chị bạn cùng dạy học ở một trường gần nhà, sáng mang con đi gọi, tối về đón con cũng tiện.

Cuộc sống giờ đây đôi với em bớt căng thẳng nhiều lắm. Em đã tránh được phải dạy cho học sinh những điều em biết chắc chắn là sai quấy, phải mỉm cười gượng gạo trước những khuôn mặt mang danh “đạo đức cách mạng” mà thực tế trong cuộc sống là bon chen, kèn cựa để cố nhồi lên những chức vụ cao hơn. Em cũng tránh được phải nghe những lời ong bướm, mua chuộc của những kẻ mang hình dáng đạo mạo, mô phạm mà trong lòng chứa chất đầy dục vọng bản thiêu. Những kẻ sống trong rừng rú giờ đây bước ra thành phố muốn được đền bù lại chuỗi ngày kham khổ của mình. Những đòi hỏi ham muốn trong con người em đã chết kể từ lúc xa anh. Em đang sống trong hình nhân vô hồn, hờ hững. Chỉ có anh, em tin chắc anh sẽ trở về mới có thể làm cho em hoài sinh. Hãy cố gắng để sống và trở về với em nghe Hải.

Sài Gòn, ngày tháng năm...

Hôm nay có lẽ là ngày vui nhất của mẹ con em tính từ lúc anh rời xa mẹ con em cho tới giờ. Em nhận được lá thư đầu tiên của ba má. Ông bà ngoại Thiên Ân cho biết giờ đây đã ổn định được cuộc sống. Ông bà hiện đang sinh sống tại Canberra, Úc Châu. Ông bà có hỏi thăm anh, an ủi em và hứa sẽ lo cho mẹ con em. Gánh nặng sinh kế với em giờ đây không còn quá nặng nữa. Anh yên tâm nghe Hải.

Những lá thư anh gửi về lúc nào cũng chỉ vắn vụn vài hàng “Anh vẫn mạnh khỏe, *“học tập tốt lao động tốt.”*” Em đã quá quen với loại công thức đó, nó giống hệt như những giáo trình nhà trường bắt em phải dạy cho học sinh thành ra em không ngạc nhiên gì. Duy có điều cuối thư anh luôn nhắc em cố gắng cho con về bên ông bà ngoại mà sống thì em hoàn toàn hiểu ý anh muốn nhắn em điều gì. Hải ơi, em không làm được vì Thiên Ân là niềm an ủi duy nhất em có và anh là động lực đem

đến cho em hy vọng và sức mạnh để sống. Nếu có về quê với ông bà ngoại thì chờ khi nào anh về nhà rồi chúng ta cùng đi nghe Hải.

Sài Gòn, ngày tháng năm...

Anh Hai và thằng An đi đã hơn tháng nay mà chị Hai cũng chưa nhận được tin tức gì. Những tin xấu tốt lan truyền hàng ngày khắp mọi nơi, tin cướp biển, tin người sống sót phải ăn thịt nhau trên tàu, tin người đến được các trại tỵ nạn... Cả xã hội sống trong thao thức đợi chờ tin người bỏ nước ra đi. Có nơi nào trên thế giới này như đất nước chúng ta hay không? Nhìn chị Hai gầy sọp hẳn đi mắt thâm quầng vì lo lắng em thấy tội nghiệp quá mà chẳng biết phải nói với chị như thế nào.



Nghe tin ở ngã tư Phú Nhuận có cô thầy bói coi bài tây hay lắm, em qua rủ chị đi xem cho khuây khỏa. Đi luôn lách tuốt trong hẻm sâu sau cùng mới tìm ra địa chỉ, cả hai chị em gõ cửa xin vào. Cô nhìn trước ngó sau rồi hỏi ai giới thiệu tới, em phải nói tên cô bạn thân mách cho biết bà thầy mới chịu coi. Trước khi sử quẻ, bà bảo rằng giờ đây làm ăn khó khăn lắm. Sở dĩ bà còn mạo hiểm làm nghề vì bà muốn giúp cho những gia đình có chuyện tìm được một chỗ dựa mà sống mà hy vọng. Bà nói cũng có lý vì tiền thù lao chẳng đáng bao nhiêu mà tin do bà mang tới lại là nguồn tin duy nhất có thể có trong lúc này. Trên biển cả mông mênh kia, số phần những người ra đi được giao hết cho sự rủi may thì thần linh là những đấng có quyền uy tuyệt đối để mách bảo thôi, phải không anh?

Chị hai xem trước, bà thầy bảo chuyên đi có nhiều trắc trở nhưng không sao, chờ một tuần nữa sẽ có tin về. Chị Hai mừng lúu cả lưỡi hỏi tin vui hay buồn, bà thầy bảo tin vui. Có quý nhân giúp đỡ nên vượt qua được sóng gió biển khơi. Lần

đầu tiên sau hơn một tháng kể từ ngày anh Hai ra đi, em nhìn thấy trên khuôn mặt chi bưng lên một thứ ánh sáng kỳ diệu, có thể gọi đó là ánh sáng của hy vọng không anh?

Đến phiên em, bà thầy bảo còn lâu lắm hai vợ chồng mới gặp lại nhau. Em chỉ hỏi bà rằng có chắc chắn gia đình xum họp không? Bà ngằn ngừ rồi bảo em xào lại cả cỗ bài rồi rút ra ba cây, em còn nhớ đó là các cây 8 phích, chín chuồn và ách cơ. Lần này thì bà thầy mặt tươi hẳn lên, bảo ”Chắc chắn”. Em chỉ cần có vậy thôi, Hải ơi. Thời gian đợi chờ giờ đây đối với em không quan trọng nữa. Bao giờ anh về cũng được, chỉ cần anh nhất định phải trở về với mẹ con em!

Đêm về em nằm trần trọc mãi không ngủ được. Chuyện cô Hai thầy bói nói quả quyết anh sẽ về hình như nhóm lại trong lòng em ngọn lửa hy vọng đã dập chòn như muốn tắt. Đã từ lâu lắm từ ngày chúng mình chia tay, em luôn sống trong những âu lo phiền muộn. Chợt vui khi nghe những lời đồn đại những người đi tù “cải tạo” như anh đang được cứu xét để cho về do phía Hoa Kỳ áp lực. Rồi chẳng bao lâu ngay sau đó là những tin dữ khi có người bạn có chồng con bị bệnh tật, trốn trại bị xử bắn, hoặc tự tử chết.

Thời gian đối với em là một chuỗi những phập phồng lo sợ và hy vọng nối đuôi nhau như thế. Nhưng rồi ngày tháng trôi nhanh từ sáu năm nay, em chẳng còn sống trong hy vọng hão huyền tự lừa dối mình nữa. Em an phận và chấp nhận cuộc sống tuyệt vọng này.

Có lẽ đó là lý do khiến cho tóc em phai màu nhanh hơn, nước mắt em cũng chẳng còn đủ để chảy khi nằm thôn thức một mình. Em chỉ còn sống trong một niềm tin, nhất định gia đình nhỏ bé của chúng mình sẽ đoàn tụ. Bất ngờ hôm nay theo chị Hai đi coi bói rồi nghe lời bà thầy bỗng dưng em giống như mình đang dần sống lại. Nhìn con say sưa trong giấc ngủ, càng ngày con càng giống anh - niềm an ủi duy nhất em đang có và cũng là lý do duy nhất để em vững vàng chờ đợi anh.

Chín

Đầu tháng Năm năm 1983, Hải được thả từ trại Thanh Phong. Gần tròn 8 năm tù. Một khoảng thời gian đủ để Hải nhìn rõ bức tranh hiện thực của cái xã hội quái gỡ này.

Trời Sài Gòn mưa lất phất, trên đường về nhà, hai bên đường không khí thê lương hơn cả lúc anh đi tù. *Những người đi hai bên đường làm lũn phủ trùm trong những chiếc áo poncho nhà binh bươm rách, hoặc những tấm nylon mờ đục trông như những bóng ma.* Thỉnh thoảng một hai chiếc xe Honda cũ kỹ chạy băng qua những ổ gà trên đường hất tung những vạt nước đục ngầu lên hè.

Hải về đến nhà trời chập choạng tối. Cửa của căn nhà đang đóng kín mít. Từ chấn song bên hông hắt ra những tia sáng vàng vọt của chiếc bóng đèn nhỏ treo toong teeng giữa nhà. Hình như có tiếng máy may và một vài tiếng ho khan mà anh đoán chắc là của vợ mình. Gõ cửa tới lần thứ ba, anh mới nghe thấy tiếng vợ anh hỏi vọng ra:

- Ai đó?

- Anh về đây, em.

Có tiếng chân chạy vội và tiếng lách cách mở cửa. Lan ôm chầm lấy chồng khóc tức tưởi. Bỗng dừng hình ảnh của cuộn phim cũ cách đây hơn 10 năm hiện ra rất rõ trước mắt anh. Hình ảnh một Myra nét mặt thất thần lặng lẽ đi trong mưa. Hải buột miệng nói băng quơ:

- **Cám ơn trời Phật đã cho con một điểm tựa để trở về.** Hải nói thì thâm bên tai vợ. *Cám ơn em đã luôn sát cánh bên anh, chia sẻ mọi khổ đau cay đắng của đời lính.* Anh sẽ không bao giờ rời xa em nữa.

- Chúng mình sẽ không bao giờ rời xa nhau nữa, nghe anh. Lan nghẹn ngào.

01/2019



TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ QUÂN SỰ CỦA VNCH

Đặng Đình Liêu, K19

I- Tổng quát:

Thượng tuần tháng 6/1948 ở Vịnh Hạ Long và trung tuần tháng 3/1949 tại Paris, nước Pháp đã tổ chức đàm phán để trao trả độc lập cho Việt Nam, ít nhất về mặt hình thức.

Theo thỏa thuận, Quốc Gia Việt Nam phải nằm trong tổ chức Liên Hiệp Pháp, ngoại giao và quốc phòng do Pháp phụ trách.

Với nội dung như trên, trong giai đoạn này VN vẫn ở trong tình trạng bán thuộc địa, chưa thực sự thoát khỏi ách kiểm soát của thực dân Pháp.

Từ tháng 5/ 1949, trong nỗ lực thành lập Quân Đội Quốc gia, chính phủ của Thủ Tướng Trần Văn Hữu đưa ra kế hoạch

thành lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.

Lúc đó, Quân Đội Quốc Gia có vào khoảng 205.000 người, chia ra làm 4 Quân Khu:

Quân Khu I thuộc các tỉnh miền Nam, Quân Khu II thuộc các tỉnh miền Trung, Quân Khu III thuộc các tỉnh miền Bắc, và Quân Khu IV thuộc các tỉnh thuộc vùng cao nguyên.

Từ ngày 20 tháng 7 năm 1954, khi Pháp phải hoàn toàn trao trả độc lập cho Việt Nam thì Hiệp Định Genève lại chia cắt Việt Nam làm hai, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới.

Miền Bắc biến thành chư hầu Cộng Sản, đặc biệt là chư hầu của Cộng Sản Trung Quốc, với mục tiêu tiếp tục thôn tính cả Việt Nam.

Trong khi đó, miền Nam Việt Nam, trở thành quốc gia độc lập hoàn toàn, theo thể chế tự do dân chủ, là tiền đồn của thế giới tự do, ngăn chặn chủ nghĩa Cộng Sản bành trướng. Quốc gia Việt Nam Cộng Hòa đã được khai sinh. Tổng Thống Ngô Đình Diệm là vị Tổng Thống đầu tiên của Đệ Nhất Cộng Hòa.

Nhu cầu cải cách hành chánh và quân sự trở nên cấp thiết với một quốc gia tự do dân chủ sơ khai; vì thế việc đầu tiên khi chấp chính, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã cho cải tổ tổ chức hành chánh và quân sự của VNCH. Trải qua 20 năm, cơ cấu tổ chức hành chánh và quân sự đã có nhiều thay đổi:

II. Tổ chức hành chánh và quân sự:

1. Về phương diện hành chánh:

- Từ 1954 đến 11/1963 (Đệ Nhất Cộng Hòa): VNCH được chia thành 28 tỉnh thành, bao gồm Thủ Đô Sài Gòn, trừ hai quận Quảng Xuyên và Cần Giờ. Các tỉnh trưởng là các viên chức dân sự và do Tổng Thống bổ nhiệm.

- Từ 1963 đến 1966: VNCH được chia thành 43 tỉnh (chưa tính thị xã và Thủ Đô Sài Gòn).

- Từ 1966 đến 1975 (Đệ Nhị Cộng Hòa): VNCH được chia thành 44 tỉnh và 11 đô, thị xã (bao gồm Thủ Đô Sài Gòn).

tỉnh trưởng là các sĩ quan, do Tổng Thống bổ nhiệm. Ngoài việc điều hành và quản trị về mặt hành chánh của tỉnh, thị xã; tỉnh trưởng còn kiêm nhiệm chức vụ tiểu khu trưởng, xử dụng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân giữ an ninh trong tỉnh.

2. **Về phương diện quân sự**, đã có nhiều thay đổi tùy theo thời kỳ:

a. **Từ 1954 đến 11/1963** (Đệ Nhất Cộng Hòa): Cả nước được phân chia thành 3 quân khu.

Năm 1957, Quân đoàn I và Quân đoàn II được thành lập. Cùng năm, thành lập Binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt. Đơn vị đầu tiên mang tên Liên Đội Quan Sát Số 1.

Đầu năm 1959, thành lập 7 sư đoàn Bộ Binh: 1, 2, 5, 7, 21, 22, 23, với quân số hơn 10.500 người mỗi sư đoàn.

Ngày 1 tháng 3 năm 1959, Quân Đoàn III được thành lập. Cùng năm, Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến tách ra khỏi Hải Quân và trở thành một lực lượng tổng trừ bị.

Ngày 1 tháng 7 năm 1960, Binh Chủng Biệt Động Quân được thành lập với 50 đại đội biệt lập và bắt đầu hoạt động sâu trong vùng kiểm soát của Việt Cộng.

Ngày 13 tháng 4 năm 1961, lãnh thổ VNCH được chia thành ba Vùng Chiến Thuật và Biệt Khu Thủ Đô. Vùng 1, 2, và 3 Chiến Thuật, do các Quân Đoàn I, II, và III trấn đóng. Biệt Khu Thủ đô gồm Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định.

Cùng năm, hai Sư Đoàn 9 và 25 Bộ Binh cũng được thành lập, nâng Binh Chủng Bộ Binh lên thành 9 sư đoàn.

Ngày 1 tháng 1 năm 1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm cho thành lập thêm Quân Đoàn IV và Vùng 4 Chiến Thuật. Theo đó, cơ cấu các vùng chiến thuật và các đơn vị trực thuộc quân đoàn được tổ chức lại như sau: Lãnh thổ quốc gia được phân chia thành 4 vùng chiến thuật, Biệt Khu Thủ Đô, Đặc Khu Rừng Sát.

Ranh giới ấn định như sau:

a. **Vùng 1 Chiến Thuật:** (năm tỉnh): Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi.

b. **Vùng 2 Chiến Thuật:** (13 tỉnh): Bình Thuận, Kontum, Pleiku, Bình Định, Phú Bổn, Daclac, Quảng Đức, Tuyên Đức, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Tuy.

c. **Vùng 3 Chiến Thuật** (10 tỉnh): Phước Long, Bình Long, Phước Thành, Long Khánh, Phước Tuy, Biên Hòa (trừ 2 quận Quảng Xuyên và Cần Giò), Tây Ninh, Bình Dương, Hậu Nghĩa, Long An.

d. **Vùng 4 Chiến Thuật** (16 tỉnh): Kiến Tường, Định Tường, Gò Công, Kiến Hòa, Kiến Phong, Châu Đốc, An Giang, Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Phong Dinh, Kiên Giang, Chương Thiện, Ba Xuyên, Bạc Liêu, An Xuyên, Côn Sơn.

e) **Biệt Khu Thủ Đô:** Đô Thành Sài Gòn, tỉnh Gia Định.

f) **Đặc Khu Rừng Sát:** Gồm 2 Quảng Xuyên, Cần Giò (thuộc tỉnh Biên Hòa).

Tùy theo nhu cầu tình thế, các vùng chiến thuật có thể chia thành nhiều khu chiến thuật, hay biệt khu.

Mỗi khu chiến thuật, hay biệt khu gồm nhiều tỉnh. Mỗi tỉnh được tổ chức thành 1 tiểu khu, hoặc đặc khu. Nhiều khi một sư đoàn bộ binh trong quân khu chịu trách nhiệm an ninh cho một khu chiến thuật.

Mỗi tiểu khu, hoặc đặc khu có nhiều chi khu. Mỗi chi khu gồm 1 hay nhiều quận hành chánh.

b- **Từ 1964 đến 1975** (Đệ II Cộng Hòa):

Quân khu là một tổ chức lãnh thổ gồm nhiều tiểu khu và đặc khu. Mỗi quân khu do một quân đoàn phụ trách.

Bộ tư lệnh quân đoàn đồng thời là bộ tư lệnh quân khu. Tư lệnh quân đoàn cũng là tư lệnh quân khu. Các tư lệnh quân đoàn và quân khu có trách nhiệm bình định lãnh thổ và có quyền điều động các đơn vị trực thuộc quân khu của mình.

Quyền chỉ huy bao gồm việc tổ chức và sử dụng lực lượng dưới quyền; ấn định nhiệm vụ, quy định mục tiêu, quyền kiểm soát toàn diện những tài nguyên tăng phái và quyền tối hậu ban chỉ thị cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ.

Các tư lệnh quân đoàn và quân khu có trách nhiệm đối với Tổng Thống, Thủ Tướng, Tổng Trưởng Quốc Phòng, và Tổng Tham Mưu Trưởng trong việc thi hành các nhiệm vụ chính sau đây:

- Điều khiển các cuộc hành quân lưu động, an ninh lãnh thổ, bình định phát triển.

- Các nhiệm vụ khác: Phòng thủ dân sự, tình báo lãnh thổ, truyền tin diện địa; quản trị nhân vật, tài lực quốc phòng; điều hợp tiếp vận, chiến tranh chính trị.

Các chi tiết về tổ chức và điều hành các quân chủng, binh chủng do Bộ Quốc Phòng ấn định bằng nghị định.

c. Tính tới năm 1968, quân số QLVNCH ghi nhận là 697.245 gồm 10 sư đoàn Bộ Binh, một sư đoàn nhảy dù với 9 tiểu đoàn, một sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến với 6 tiểu đoàn. Quân số Địa Phương Quân là 322.187. Ngoài ra còn có 1000 trung đội Nghĩa Quân, Lực lượng Cảnh Sát Quốc Gia, khoảng 200.000 (theo số liệu 1973). Binh chủng Thiết Giáp có thiết vận xa M113, chiến xa M41.

III- Do tình hình chiến sự càng ngày càng trở nên khốc liệt, các quân chủng đã thành lập thêm các đơn vị mới, hay nâng cấp số:

1. Bộ Binh:

Sư Đoàn 18 Bộ binh được thành lập vào ngày 16 tháng 5 năm 1965 tại Xuân Lộc, Long Khánh, trong khi Sư Đoàn 3 BB thành lập ngày 1/10/1971, nâng tổng số lên 11 sư đoàn.

2. Sư Đoàn Nhảy Dù:

Được thành lập vào ngày 31 tháng 12 năm 1965 với 3 Lữ Đoàn 1, 2, 3 tác chiến. Vào tháng 4/1975, sư đoàn thành lập

thêm 2 Lữ Đoàn 4 và 5 Nhảy Dù.

3. Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến:

Năm 1965, Liên Đoàn TQLC được cải danh thành Lữ Đoàn với hai Chiến Đoàn A và B. Năm 1968, Lữ Đoàn TQLC được nâng lên cấp Sư Đoàn TQLC. Hai Chiến Đoàn A và B được đổi tên thành Lữ đoàn 147 và 248. Năm 1970, Sư Đoàn TQLC có 3 lữ đoàn tác chiến. Đầu năm 1975, Lữ Đoàn 468 TQLC được thành lập.



4- Biệt Động Quân:

Từ 20 tiểu đoàn BĐQ của 6 Liên Đoàn 1, 2, 3, 4, 5, 6 BĐQ, năm 1970, Biệt Động Quân được cải tổ lại với việc đồng hóa

Lực Lượng Dân Sự Chiến Đấu tại các trại biên phòng thành 37 tiểu đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Tổng số các tiểu đoàn tiếp ứng và biên phòng lên tới 57 tiểu đoàn.

Từ cuối 1973, các tiểu đoàn biên phòng được sát nhập thành các liên đoàn. Cho tới 1974 binh chủng BĐQ có 15 liên đoàn BĐQ với 45 tiểu đoàn tác chiến trừ bị của Quân Đoàn I, II, III; ngoại trừ các Liên Đoàn 4, 6, 7 BĐQ là lực lượng tổng trừ bị. Đầu năm 1975, BĐQ đang tiến hành việc thành lập thêm hai Sư Đoàn 101 và 106 BĐQ, là lực lượng tổng trừ bị của Bộ Tổng Tham Mưu.

5. Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù:

Tháng 6 năm 1970, Trung tâm Hành Quân Delta và Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Dù được tổ chức lại, sáp nhập thành Liên

Đoàn 81 Biệt Cách Dù, là một lực lượng Tổng Trừ Bị của Bộ Tổng Tham Mưu.

6. Thiết Giáp:

Tính đến năm 1975, binh chủng gồm có 1 Bộ Tư Lệnh tại Trung Ương và 4 Bộ Tư Lệnh Lữ Đoàn tại 4 Quân Khu, trong đó gồm có: 3 Thiết Đoàn Chiến Xa M-48, 14 Thiết Đoàn Thiết Kỵ M-113 và 4 Thiết Đoàn Chiến Xa M-41 được phối trí đều và thích ứng theo địa hình cho 4 vùng chiến thuật. Tổng số là 21 Thiết đoàn.

7. Pháo Binh:

- Pháo Binh trực thuộc quân đoàn: gồm 5 tiểu đoàn 175 ly, 4 tiểu đoàn 155 ly, 6 tiểu đoàn 105 ly, và 4 tiểu đoàn phòng không.

- Mỗi sư đoàn bộ binh có 1 tiểu đoàn 155 ly, 3 tiểu đoàn 105 ly.

- Sư Đoàn Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến có 3 tiểu đoàn 105 ly.

- Tại 15 liên đoàn BĐQ, mỗi liên đoàn có một pháo đội 105 ly.



- Ngoài ra còn 176 trung đội Pháo Binh 105 ly lãnh thổ (diện địa), bao gồm 352 đại bác 105 ly, tương đương với 20 tiểu đoàn.

8. Không Quân:

Năm 1970, với đà phát triển nhanh của Không Lực Việt Nam Cộng Hòa, các không đoàn Chiến Thuật phát triển thành

4 sư đoàn Không Quân, tác chiến hỗ trợ cho 4 Vùng Chiến Thuật. Năm 1971, Sư Đoàn 5 Không Quân được thành lập và trở thành Lực lượng Không Quân Trừ Bị của Bộ Tổng Tham mưu. Năm 1972, thành lập thêm tại Quân Khu 2, Sư Đoàn 6 chịu trách nhiệm vùng trời chiến trường Cao nguyên Trung Phần. Tổng cộng có 6 sư đoàn Không Quân.

9. **Hải Quân:** Qua thời gian dài trưởng thành từ tổ chức, xây dựng, chiến đấu. Tính đến năm 1975 Quân chủng Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa đã lớn mạnh với các tổ chức:

- 1 Bộ Tư Lệnh Hải Quân.
- 5 Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng Duyên Hải.

Vùng Duyên Hải có nhiệm vụ chính yếu là duy trì an ninh duyên hải, các hải đảo; ngăn chặn sự xâm nhập bất hợp pháp



Lễ bàn giao Tuần Duyên Đĩnh, ngày 16 tháng 5 năm 1969 cho Việt Nam.

bằng đường thủy; điều động hành quân các đơn vị Hải Quân trực thuộc; tăng phái và yểm trợ hành quân cho các Quân Khu liên-hệ.

- 2 Bộ Tư Lệnh Vùng Sông Ngòi.

Hai Vùng Sông Ngòi này có nhiệm vụ chính yếu là duy

trì an ninh trên các sông rạch, ngăn chặn Cộng Sản xữ dụng đường thủy để liên lạc và xâm-nhập vùng trách nhiệm; yểm trợ hành quân cho các đơn vị bạn; phối hợp hành quân Liên Quân và yểm trợ kế hoạch bình định phát triển địa phương.

- 9 Bộ Tư Lệnh Lực Lượng:

- Bộ Tư Lệnh Hạm Đội: Hạm Đội là đại đơn vị nòng cốt của Hải Quân Việt Nam, quản trị hành chánh cho các chiến hạm có khả năng hoạt động ngoài biển.

- Bộ Tư Lệnh Hải Quân Biệt Khu Thủ Đô: Là vùng sông ngòi thuộc lãnh thổ Biệt Khu Thủ Đô, được thành lập nhằm mục đích thống nhất việc điều hành các đơn vị Hải Quân tại Sài Gòn để góp phần bảo vệ Thủ Đô và cung cấp những dịch vụ cần thiết cho các đơn vị Hải Quân đồn trú tại Sài Gòn. Ngoài ra Bộ Tư Lệnh Hải Quân Biệt Khu Thủ Đô còn có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho Quân Cảng và Thương Cảng Sài Gòn.

- Bộ Tư Lệnh Đặc Khu Rừng Sát:

Hải Quân Việt-Nam được chỉ định trách nhiệm an ninh khu vực bao gồm hai con sông chiến lược quan trọng: Sông Lòng Tàu và sông Soài Rạp. Hai con sông này là trục lộ huyết mạch nối liền Thủ Đô Sài Gòn với Biển Đông. Đặc Khu Rừng Sát là một rừng chồi dày đặc, thích hợp cho hoạt động của du kích Cộng Sản; do đó việc đảm trách an ninh trên các sông rạch liên hệ rất khó khăn. Tuy nhiên Hải Quân Việt Nam đã giữ an ninh cho hàng ngàn thương thuyền tiếp tế cho Sài Gòn.

- Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Nhiệm 99:

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang thành lập Lực Lượng Đặc Nhiệm 99. Trong tình trạng khẩn cấp, các đơn vị sau đây đã được lấy về, gồm Giang Đoàn 42 Ngăn Chận, Giang Đoàn 59 Tuần Thám, Đại Đội Hải Kích, Địa Phương Quân, một số giang đình lấy ra từ những Giang Đoàn Thủy Bộ, Ngăn Chận và Xung Phong. Kể cả 6 chiếc LCM8 của các căn cứ Yểm Trợ Tiếp Vận và các chiếc chiến đình Zippo phun lửa. Nói chung, đây là một đại đơn vị gồm rất

nhieu loại tàu bè, một mũi xung kích mạnh mẽ nhất của Hải Quân Miền Nam vào tháng 4 năm 1975.

- Bộ Tư Lệnh Liên Đoàn Tuần Giang:

Trước đây Liên Đoàn Tuần Giang thuộc Địa Phương Quân, sau đó được sáp nhập vào Hải Quân; gồm có 24 đại đội Tuần Giang, 3 đại đội sửa chữa và một Trung Tâm Huấn Luyện tại Cát Lái. Các đại đội này được thành lập để yểm trợ hành quân cho những Tiểu Khu liên hệ và bảo vệ an ninh trên sông rạch.

- Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Thủy Bộ: Được thành lập từ tháng 6 năm 1969 để thay thế Lực Lượng Đặc Nhiệm 117 của Hải Quân Hoa Kỳ.

- Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Tuần Thám: Được thành lập từ tháng 10 năm 1969 và gồm có 14 Giang Đoàn, chia ra thành 6 Liên Đoàn Tuần Thám. Nhiệm vụ chính yếu của Lực Lượng Tuần Thám là tuần tiễu, bảo vệ an ninh sông ngòi và ngăn chặn sự xâm nhập lén lút của Cộng Sản Bắc Việt bằng đường thủy qua ngã hành lang biên giới Miền Việt.

- Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Trung Ương: Được thành lập nhằm mục đích tập trung một số đơn vị Hải Quân, để thi hành những nhiệm vụ đặc biệt có tầm hoạt động liên vùng.

- Bộ Tư Lệnh Phòng Vệ Duyên Hải (Sở Phòng Vệ Duyên Hải): Được thành lập từ tháng 3 năm 1964 và đặt trực thuộc Quân Chủng Hải Quân về phương diện nhân viên và hành chánh. Sở Phòng Vệ Duyên Hải có nhiệm vụ thi hành các chỉ thị của Nha Kỹ Thuật Bộ Tổng Tham Mưu để thi hành các công tác hành quân đặc biệt của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa dọc duyên hải Nam cũng như Bắc Việt Nam.

- 1 Bộ Tư Lệnh Hải Quân.

- 5 Vùng Duyên Hải.

- 2 Vùng Sông Ngòi.

- Hạm đội với nhiều chiến hạm đủ loại.

- Các lực lượng: Đặc Nhiệm, Duyên Phòng, Duyên Đoàn, Liên Đoàn, Tuần Giang, Giang Đoàn Xung Phong.

- 3 Trung tâm Huấn Luyện Hải Quân tại Nha Trang, Cam Ranh, và Sài Gòn

- Hải Quân Công Xưởng (Sài Gòn)

Cuối năm 1972, quân số Hải Quân VNCH tăng thành 41,000 người. Theo Jane's Fighting Ships 1972-1973, HQ Đại Tá John More xếp sự lớn mạnh của lực lượng Hải Quân VNCH vào hàng thứ 9 trong các cường quốc Hải Quân trên thế giới.

10. **Tính đến năm 1972**, quân số QLVNCH bao gồm chủ lực quân, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, và Cảnh Sát Quốc Gia là 1,1 triệu người. Ngoài ra Bộ Tổng Tham Mưu đã cho thành lập thêm phân chi khu đặt tại Phường, Xã.

IV. **Ưu và Khuyết Điểm** của tổ chức quân đoàn và quân khu:

1. Ưu điểm

- Tùy theo tình hình, tư lệnh quân đoàn và quân khu có thể điều động trực tiếp các đơn vị trực thuộc để ngăn chặn, tìm diệt địch.

- Vì hành quân trong lãnh thổ quen thuộc, các đơn vị biết rõ về địa hình, địa vật của vùng hành quân.

2. Khuyết điểm:

a. Ít tổ chức được các cuộc hành quân cấp quân đoàn, hay sư đoàn trong lãnh thổ quân khu, ngoại trừ 2 cuộc hành quân năm 1970 tiêu diệt Cục R trên lãnh thổ Kampuchea và Chiến Dịch Lam Sơn 719 Hạ Lào năm 1971 là có quy mô cấp quân đoàn.

b. Rất khó điều động các đơn vị từ quân khu này sang quân khu khác tạo ấn tượng địa phương cho các đơn vị. Khi đơn vị nhận lệnh di chuyển về quân khu khác, tinh thần chiến đấu của binh lính bị giảm sút.

c. Không có đơn vị trừ bị. Năm 1972 Bộ Tổng Tham Mưu đã cho tăng cường Sư Đoàn Nhảy Dù và Sư Đoàn Thủy Quân

Lục Chiến ra vùng giới tuyến. Hậu quả là khi địch quân tấn công và chiếm tỉnh Bình Long, chúng ta không còn đơn vị tổng trừ bị nào để tái chiếm lại. Lúc đó Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù là đơn vị tổng trừ bị duy nhất còn lại trong vùng.

3. **Kết luận:** Tổ chức quân đoàn, quân khu nói chung một phần nào đã đáp ứng nhu cầu chiến trường. Tuy nhiên, tổ chức này còn một số khuyết điểm. Chắc chắn Bộ Tổng Tham Mưu sẽ đưa ra nhiều thay đổi nếu cuộc chiến chưa tàn.

* **Ghi chú:** Các đơn vị yểm trợ và tiếp vận không được đề cập đến. Tuy nhiên, tổ chức của các đơn vị này cũng được tăng cường thích ứng với quy mô của các đơn vị tác chiến.

Tài liệu tham khảo:

- *Lược sử QLVNCH của các tác giả Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê đình Thụy.*

- *Chiến sử QLVNCH của Phạm Phong Dinh.*

- *Các trang website về Quân Đội VNCH.*

- *Kỷ yếu Pháo Binh QLVNCH năm 2012.*

- *Tài liệu do cựu Th/Tá Hồ Đắc Huân cho mượn, bao gồm:*

* *Sắc lệnh số 343-QL do Thủ Tướng Trần Văn Hương ký ngày 27/ 11/ 1964.*

* *Sắc lệnh số 64-a -TT/SL do Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ký ngày 11/ 7/ 1970.*